

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/04/2018

V/v: “*Phân chia tài sản
sau ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Rung K’Nhon.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Đặng Văn Quang.

- Bà: Phan Thị Cẩm

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2016/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2016 về việc: “Phân chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn M; Sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

Có mặt tại phiên tòa

*** Bị đơn:** Bà Bùi Thị Thanh H; Sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

Có mặt tại phiên tòa

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị: Nguyễn Phương D; Sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

Có mặt tại phiên tòa

2. Anh **Nguyễn Mạnh H**; Sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 10 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Minh trình bày:

Ngày 29 tháng 9 năm 2011 ông và bà Bùi Thị Thanh H ly hôn với nhau tại Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Khi ly hôn về phần tài sản chung ông và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện ly hôn. Tài sản chung của vợ chồng gồm có 03 lô đất cụ thể: 01 lô đất 1.000m² thuộc thửa số 1479 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại thôn Liên Hương, xã Đạ Rsal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. 01 lô đất thuộc thửa 130B tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã Ngọc Quang, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ. 01 Lô đất có chiều rộng mặt đường là 10m tọa lạc tại thôn 1, Rô Men, huyện Đam Rông. Ngoài ra không còn tài sản gì khác.

Sau khi ly hôn ông và bà H đã tự phân chia một phần tài sản gồm 01 lô đất thuộc thửa 130B tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã Ngọc Quang, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ. 01 Lô đất có chiều rộng mặt đường là 10m tọa lạc tại thôn 1, Rô Men, huyện Đam Rông. Còn lại diện tích đất 1000m² thuộc thửa số 1479 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại thôn Liên Hương ông và bà H đã lập biên bản thỏa thuận phân chia mỗi bên 500m², nhưng sau khi lập biên bản thỏa thuận xong thì bà H không giao 500m² đất cho ông sử dụng, ông đã nhiều lần yêu cầu bà H giao cho ông 500m² đất và làm thủ tục sang tên cho ông, nhưng bà H không đồng ý. Vì vậy ông làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H phải phân chia cho ông ½ diện tích đất thuộc thửa số 1479, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại thôn Liên hương – Đạ Rsal. Ngoài ra ông không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 11 năm 2016 và các buổi làm việc thì bị đơn bà Bùi Thị Thanh H trình bày:

Bà H và ông M đã ly hôn như ông M trình bày là hoàn toàn đúng. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự thì về phần tài sản chung các bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn đối với tài sản chung là gồm 01 lô đất thuộc thửa 130B tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã Ngọc Quang, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ. 01 Lô đất có chiều rộng

mặt đường là 10m tọa lạc tại thôn 1, Rô Men, huyện Đam Rông hai bên đã tự phân chia, còn 01 lô đất 1.000m² thuộc thửa số 1479 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại thôn Liên Hương, xã Đạ Rsal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng đây là tài sản phần lớn công sức của bà tạo dựng, hơn nữa khi ly hôn bà là người trực tiếp nuôi 02 đứa con, ông M không phải cấp dưỡng, nên bà không đồng ý chia cho ông M 1/2 theo biên bản thỏa thuận lập ngày 01 tháng 8 năm 2011. Nay ông M khởi kiện yêu cầu chia đôi phần tài sản chung mỗi người 1/2 lô đất trên thì bà có ý kiến như sau. Bà đồng ý phân chia, nhưng phải tính theo công sức đóng góp. Trong khối tài sản này bà là người có công sức đóng góp nhiều nhất, nên bà đề nghị chia cho ông M 1/3 diện tích đất, còn lại 2/3 là diện tích đất chia cho bà. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Phương D và anh Nguyễn Mạnh H trình bày thì:

Đối với diện tích đất 1.000m² thuộc thửa số 1479 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại thôn Liên Hương, xã Đạ Rsal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng mà ông M yêu cầu tòa án phân chia 1/2, lô đất này anh chị cũng có một phần công sức đóng góp của anh chị, hiện nay anh chị cũng chưa có nơi ở ổn định, nên anh chị yêu cầu Tòa án phải xem xét phân chia cho anh chị một phần công sức đóng góp đối với phần diện tích đất thuộc thửa số 1479. Ngoài ra anh chị không còn yêu cầu gì khác.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin rút toàn bộ yêu cầu phân chia một phần công sức đóng góp vào khối tài sản chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Qua xem xét chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự thì xác định diện tích đất thuộc thửa số 1479, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại thôn Liên Hương – Đạ Rsal là diện tích đất đất thuộc sở hữu chung của ông M và bà H, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bà H phải phân chia cho ông M một phần theo công sức đóng góp trong khối tài sản là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc Ông Nguyễn Văn M yêu cầu bà Bùi Thị Thanh H chia cho ông $\frac{1}{2}$ diện tích đất thuộc sở hữu chung sau ly hôn. Nhưng bà H không đồng ý, vì vậy hai bên xảy ra tranh chấp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện yêu cầu “Phân chia tài sản chung sau khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

[2]. Về yêu cầu của các bên đương sự:

Theo các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng diện tích đất 1000 m² thuộc thửa số 1479, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại thôn Liêng Hương, xã Đạ Rsal, huyện Đam Rông là tài sản thuộc sở hữu chung của ông M và bà H. Năm 2011, ông M và bà H ly hôn nhưng không yêu cầu Tòa án xem xét phân chia tài sản chung trong vụ án ly hôn, sau khi ly hôn giữa ông M và bà H đã tự phân chia một phần tài sản chung đối với 02 lô đất gồm 01 lô đất thuộc thửa 130B tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã Ngọc Quang, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ. 01 Lô đất có chiều rộng mặt đường là 10m tọa lạc tại thôn 1, Rô Men, huyện Đam Rông. Còn lại diện tích đất 1000 m² thuộc thửa số 1479 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại thôn Liêng Hương ông M và bà H đã lập biên bản thỏa thuận phân chia mỗi bên 500 m², nhưng sau khi lập biên bản thỏa thuận xong thì bà H thay đổi ý kiến không đồng ý chia cho ông M 500 m² đất, nên hai bên xảy ra tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay ông M yêu cầu bà H giao cho ông 500 m² đất và làm thủ tục sang tên cho ông, nhưng bà H chỉ đồng ý chia cho ông M 400 m² diện tích đất, bởi bà H cho rằng diện tích đất này phần lớn là công sức của bà, hơn nữa sau khi ly hôn bà là người phải nuôi con chung 02 đứa, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con, hơn nữa khi phân chia diện tích đất thuộc thửa số 130B tờ bản đồ số 02, ông M chỉ chia cho bà 50.000.000đ tương đương bằng $\frac{1}{3}$ giá trị lô đất. Vì vậy chỉ đồng ý chia cho ông M 400 m² đất thuộc thửa số 1479, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại thôn Liêng Hương, xã Đạ Rsal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Xét thấy yêu cầu của bà H là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu của ông M. Xác định diện tích đất 1000 m² thuộc thửa số 1479, tờ bản đồ 15 là diện tích đất thuộc sở hữu chung giữa ông M và bà H, buộc bà H có trách nhiệm giao trả lại cho ông M 400 m² đất có chiều rộng dọc theo mặt đường quốc lộ 27 là 04 mét, chiều sâu từ mép đường đi vào là 100 mét là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về án phí và lệ phí xác minh thẩm định giá:

Về án phí: Buộc ông M phải nộp án phí trên tổng giá trị tài sản được chia là $319.100.000đ \times 5\% = 15.955.000đ$. Bà H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn thuộc diện hộ nghèo năm 2018. Căn cứ vào điều 13 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án miễn một

phần án phí DSST cho bà H, bà H phải nộp 2.500.000đ án phí DSST. Đối với anh Anh H và chị D đã rút toàn bộ yêu cầu, nên hoàn trả lại cho anh H chị D số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp trước.

Về chi phí tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ông M đã nộp 18.000.000đ tiền xác minh, thẩm định giá nên buộc bà H phải có nghĩa vụ trả lại cho ông M 9.000.000đ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 59, 62 Luật hôn nhân gia đình.
- Căn cứ khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, các điều 147; Điều 203 Điều 218, khoản 2 điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào các điều 13, 24, 27 Pháp lệnh quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn M. Xác định diện tích đất 1000 m² thuộc thửa số 1479 tờ bản đồ số 15 là diện tích đất thuộc sở hữu chung của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị Thanh H.

Giao cho ông Nguyễn Văn M quản lý sử dụng 400 m² diện tích đất thuộc một phần thửa 1479 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại thôn Liên Hương có chiều rộng dọc theo quốc lộ 27 là 04 mét phần giáp đất ông Nguyễn Văn S. Trong đó có 50 m² đất ở 350 m² đất trồng cây hàng năm.

Giao cho Bùi Thị Thanh H 600 m² diện tích đất thuộc một phần thửa diện tích đất thuộc một phần thửa 1479 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại thôn Liên Hương, xã Đa Rsal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng có chiều rộng dọc theo quốc lộ 27 là 06 mét phần giáp đất bà C. Trong đó có 50 m² đất ở 550 m² đất trồng cây hàng năm.

Ông Nguyễn Văn Minh và bà Bùi Thị Thanh H có trách nhiệm đến UBND cấp có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Mạnh H và chị Nguyễn Phương D

3. Tiền lệ phí định giá: Buộc bà Bùi Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn M số tiền lệ phí xác minh thẩm định giá tài sản là 9.000.000đ.

4. Về án phí: Buộc Nguyễn Văn M phải nộp 15.955.000đ án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền dự phí đã tạm nộp trước 12.000.000đ theo biên lai thi tiền số AA/2015/0003864 ngày 28/10/2016 của Chi cục thi hành án huyện Đam Rông. Ông M còn phải nộp thêm 3.955.000đ nữa.

Miễn một phần án phí DSST cho bà Bùi Thị Thanh H. Bà H phải nộp 2.500.000đ án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền dự phí đã tạm nộp trước 2.500.000đ theo biên lai thi tiền số AA/2015/0003873 ngày 15/11/2016 của Chi cục thi hành án huyện Đam Rông.

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Mạnh H 1.750.000đ số tiền dự phí đã tạm nộp trước theo biên lai thi tiền số AA/2015/0003915 ngày 10/01/2017 của Chi cục thi hành án huyện Đam Rông.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Phương D 2.000.000đ số tiền dự phí đã tạm nộp trước theo biên lai thi tiền số AA/2015/0003874 ngày 15/11/2016 của Chi cục thi hành án huyện Đam Rông.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/4/2018); Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận :

- PKTNV-THA tòa án tỉnh LD.(01 Bản);
- Tòa dân sự - TAND tỉnh LD (01 bản);
- VKS huyện Đam Rông.(01 bản);
- THA DS huyện Đam Rông. (01 bản);
- Các DSự. mỗi người 01 bản);
- Lưu hồ sơ, án văn (02 bản).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Rung K’Nhon

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quang Phan Thị Cẩm

Hoàng Rung K'Nhơn

Nơi nhận :

- PKTNV-THA tòa án tỉnh LD.(01 Bản);
- Tòa dân sự - TAND tỉnh LD (01 bản;)
- VKS huyện Đam Rông.(01 bản);
- THA DS huyện Đam rông. (01 bản);
- Các ĐSư. mỗi người 01 bản);
- Lưu hồ sơ, án văn (02 bản).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Rung K'Nhơn